TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-7-2021
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vinh;

Ông Đào Tuấn Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021về việc "không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Th; nơi cư trú: Thôn 3, xã Phả Lễ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh L; nơi cư trú: Tổ số 4 Nhật Quang 3, phố Tân Hoa, thành phố Đồ Môn, tỉnh Cát Lâm, Trung Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thị Th trình bày:

Chị và anh L, kết hôn trên cơ sở tự nguyện có giấy đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền Trung Quốc vào năm 2017 nhưng chưa ghi chú kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở Trung Quốc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do sau khi chị Th sinh con thì anh L thường tỏ ra ít quan tâm tôi và do bất đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán. Đến tháng 01 năm 2020 chị Th trở về Việt Nam, từ đó vợ chồng mỗi người một nơi, không còn quan tâm nhau nữa. Nay xác định tình cảm không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên chị Vũ Thị Th đề nghị Tòa án nhân dân

thành phố Hải Phòng giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L.

Về con chung: Chị Vũ Thị Th và anh L có 01 con chung tên là Li Na (Lý Na) sinh ngày 16 tháng 8 năm 2019. Hiện cháu đang ở với anh LI SONG YAN(LÝ TÙNG NHAM tại Trung Quốc. Chị Th đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Lý Tùng Nham nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Đơn của anh L hợp pháp hóa lãnh sự trình bày như sau*: Thống nhất với lời khai của chị Vũ Thị Th về quan hệ hôn nhân và lý do mâu thuẫn. Anh L nhất trí với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Vũ Thị Th và đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh L. Do tình hình dịch bệnh Covid nên anh L chỉ ở Việt Nam được thời gian ngắn nên ủy quyền cho chị Vũ Thị Th nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án.

Về con chung: Chị Th và anh L có 01 con chung tên là Li Na (Lý Na) sinh ngày 16 tháng 8 năm 2019. Hiện cháu đang ở với anh nên anh L đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Vũ Thị Th làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với anh L. Anh L có quốc tịch và cư trú tại Trung Quốc, chị Vũ Thị Th cư trú tại thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Th và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuy nhiên anh chị mới đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền tại Trung Quốc vào năm 2017, chưa tiến hành ghi chú kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam. Tòa án đã yêu cầu chị Vũ Thị Th thực hiện việc ghi chú kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam nhưng chị Th có đơn từ chối. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, việc hai bên có đăng ký kết hôn tại Trung Quốc nhưng không thực hiện ghi chú việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền Việt Nam theo quy định nên đăng ký kết hôn giữa hai bên ở nước ngoài không được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật Việt Nam. Vì vậy, quan hệ giữa chị Vũ Thị Th và anh L chưa được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Chị Vũ Thị Th và anh L cùng trình bày thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn do khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, lối sống và tính cách không hợp, không còn tình cảm và yêu thương lẫn nhau. Chị Vũ Thị Th đã trở về Việt Nam từ tháng 01 năm 2020 còn anh L tiếp tục ở lại Trung Quốc. Chị Th và anh L mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Xét việc chị Vũ Thị Th và anh L cùng thuận tình yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng là tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị Th và anh L.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị Th và anh L đều thống nhất anh chị có 01 con chung là cháu Li Na (Lý Na) sinh ngày 16 tháng 8 năm 2019. Hiện cháu đang ở với anh L. Sau khi ly hôn chị Vũ Thị Th và anh L thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung cho anh L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Xét thấy cháu Li Na (Lý Na) đang ở với anh L tại Trung Quốc, việc tiếp tục giao con cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên và ổn định cuộc sống cho cháu Li Na (Lý Na). Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Th và anh L đều khai không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Vũ Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 151, Điều 152, Điều 153, Điều 154, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị Th và anh L.

2. Về con chung và tài sản chung: Giao con chung tên là Li Na (Lý Na) sinh ngày 16 tháng 8 năm 2019 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Vũ Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0019851 ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị Th đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Vũ Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Vân Thúy